

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

-----***-----



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ IV NĂM 2025

ĐƠN VỊ BÁO CÁO: CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

DANH MỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ IV NĂM 2025

STT	BIỂU SỐ	NỘI DUNG BIỂU	KÝ BÁO CÁO	TRANG
1	B01-DN	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	QUÝ IV NĂM 2025	1-2
2	B02-DN	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	QUÝ IV NĂM 2025	3-3
3	B03-DN	BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	QUÝ IV NĂM 2025	4-4
4	B09-DN	BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	QUÝ IV NĂM 2025	5-22

Người lập

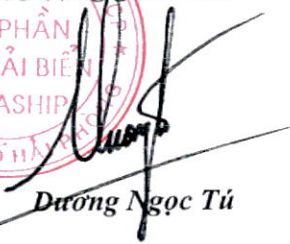

Nguyễn Bảo Ngọc

Kế toán trưởng


Trần Thị Thanh Hương



Tổng giám đốc


Dương Ngọc Tú

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Mẫu số: B01-DN

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý IV năm 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2025	01/01/2025
I	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		316.850.862.216	360.796.526.906
(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)				
I - Tiền	110	V.1	177.921.020.735	138.606.671.177
1 - Tiền	111		167.921.020.735	136.267.728.164
2 - Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	2.338.943.013
II - Các khoản đầu tư TC ngắn hạn	120	V.2	43.000.000.000	133.000.000.000
3 - Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		43.000.000.000	133.000.000.000
III - Các khoản phải thu ngắn hạn	130		47.344.695.454	19.062.057.194
1 - Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	40.290.603.572	11.074.002.063
2 - Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.953.592.568	1.861.167.936
6 - Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	14.597.191.167	15.628.579.048
7 - Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.5	(9.496.691.853)	(9.501.691.853)
IV - Hàng tồn kho	140		38.925.963.953	39.930.054.145
1 - Hàng tồn kho	141	V.6	38.925.963.953	39.930.054.145
V - Tài sản ngắn hạn khác	150		9.659.182.074	30.197.744.390
1 - Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	2.473.708.106	2.261.518.985
2 - Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.023.194.024	26.374.616.331
3 - Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.16	1.162.279.944	1.561.609.074
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		641.992.763.129	448.060.332.357
(200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)				
I - Các khoản phải thu dài hạn	210		158.098.960	-
6 - Phải thu dài hạn khác	216		158.098.960	-
II - Tài sản cố định	220		623.692.765.640	416.472.851.428
1 - Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	623.692.765.640	416.472.851.428
- Nguyên giá	222		1.183.748.272.978	1.211.733.151.966
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(560.055.507.338)	(795.260.300.538)
3 - Tài sản cố định vô hình	227	V.9	-	-
- Nguyên giá	228		664.654.500	664.654.500
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(664.654.500)	(664.654.500)
III - Bất động sản đầu tư	230	V.11	1.848.292.165	2.640.417.397
- Nguyên giá	231		23.700.004.651	23.700.004.651
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(21.851.712.486)	(21.059.587.254)
IV - Tài sản dở dang dài hạn	240	V.7	399.784.500	1.224.343.997
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		399.784.500	1.224.343.997
V - Đầu tư tài chính dài hạn	250		326.268	309.068
3 - Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	1.437.338	1.437.338
4 - Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	V.2	(1.111.070)	(1.128.270)
VI - Tài sản dài hạn khác	260		15.893.495.596	27.722.410.467
1 - Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	15.893.495.596	27.722.410.467
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		958.843.625.345	808.856.859.263

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Mẫu số: B01-DN

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý IV năm 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2025	01/01/2025
1	2	3	4	5
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		368.907.775.682	231.694.514.575
I - Nợ ngắn hạn	310		133.742.619.090	105.057.390.517
1 - Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	23.236.413.694	27.605.100.104
2 - Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		339.617.269	-
3 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	11.474.766.072	11.007.654.829
4 - Phải trả người lao động	314		16.348.804.186	24.508.693.095
5 - Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	4.918.648.093	5.042.676.756
8 - Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19	5.172.997.493	777.524.935
9 - Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	14.452.199.153	4.390.253.126
10 - Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	42.465.357.144	20.905.357.144
12 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		15.333.815.986	10.820.130.528
II - Nợ dài hạn	330		235.165.156.592	126.637.124.058
7 - Phải trả dài hạn khác	337	V.18	1.223.000.000	900.000.000
8 - Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	233.894.985.712	125.432.142.856
11 - Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.21	47.170.880	304.981.202
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		589.935.849.663	577.162.344.688
I - Vốn chủ sở hữu	410	V.22	589.935.849.663	577.162.344.688
1 - Vốn góp của chủ sở hữu	411		339.999.600.000	339.999.600.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		339.999.600.000	339.999.600.000
8 - Quỹ đầu tư phát triển	418		205.419.172.908	170.411.314.026
11 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		44.517.076.755	66.751.430.662
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.232.427.361	1.030.197.917
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		43.284.649.394	65.721.232.745
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		958.843.625.345	808.856.859.263

Lập ngày 10 tháng 01 năm 2026

Người lập biểu



Nguyễn Bảo Ngọc

Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh Hương

Tổng giám đốc



Đương Ngọc Tú

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
(Dạng đầy đủ)
Quý IV năm 2025

Đơn vị tính : VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý IV	
			QUÝ IV NĂM 2025	QUÝ IV NĂM 2024	NĂM 2025	NĂM 2024
1	2	3	4	5	6	7
1 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V1.24	156.464.570.790	152.552.133.320	610.098.917.813	620.600.948.687
3 - Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	V1.26	156.464.570.790	152.552.133.320	610.098.917.813	620.600.948.687
4 - Giá vốn hàng bán	11	V1.27	145.804.280.376	155.238.386.194	582.866.082.258	601.829.708.809
5 - Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		10.660.290.414	(2.686.252.874)	27.232.835.555	18.771.239.878
6 - Doanh thu hoạt động tài chính	21	V1.28	1.076.086.849	9.897.235.620	10.386.462.704	15.573.195.373
7 - Chi phí tài chính	22	V1.29	4.349.050.395	1.199.239.527	12.488.776.432	4.181.484.507
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		3.639.170.056	781.803.082	10.398.974.564	781.803.082
8 - Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	24					
9 - Chi phí bán hàng	25	V1.32	3.379.046.440	3.326.951.510	9.779.654.397	9.550.182.520
10 - Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V1.32	11.200.865.045	12.303.525.741	31.016.289.796	32.198.601.783
11 - Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)	30		(7.192.584.617)	(9.618.734.032)	(15.665.422.366)	(11.585.833.559)
12 - Thu nhập khác	31	V1.30	69.877.696.067	61.087.581.521	70.033.368.495	94.456.665.929
13 - Chi phí khác	32	V1.31	(183.740.875)	221.960.527	110.766.532	656.154.743
14 - Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		70.061.436.942	60.865.620.994	69.922.601.963	93.800.511.186
15 - Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		62.868.852.325	51.246.886.962	54.257.179.597	82.214.677.627
16 - Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V1.34	11.035.337.362	10.018.253.247	11.230.340.525	16.393.968.295
17 - Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	V1.35	(185.019.937)	(554.420.858)	(257.810.322)	99.476.587
18 - Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		52.018.534.900	41.783.054.573	43.284.649.394	65.721.232.745
19 - Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		52.018.534.900	41.783.054.573	43.284.649.394	65.721.232.745
20 - Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-	-	-
21 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.530	1.229	1.273	1.933
22 - Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

Người lập biểu



Nguyễn Bảo Ngọc

Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh Hương

Lập ngày 10 tháng 01 năm 2026



Đường Ngọc Tú

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
Dạng đầy đủ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Quý IV năm 2025

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý IV	
			NĂM 2025	NĂM 2024
1	2	3	4	5
I - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1 - Lợi nhuận trước thuế	01		54.257.179.597	82.214.677.627
2 - Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		47.050.607.718	67.661.749.926
- Các khoản dự phòng	03		(5.017.200)	(52.057.200)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(257.613.909)	(1.487.370.687)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(74.527.722.535)	(93.769.034.537)
- Chi phí lãi vay	06		10.398.974.564	781.803.082
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3 - Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		36.916.408.235	55.349.768.211
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(8.870.942.163)	9.887.474.452
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.004.090.192	(7.823.880.380)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		8.732.970.639	(1.578.404.372)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		11.616.725.750	10.441.353.235
- Tiền lãi vay đã trả	14		(10.233.168.422)	(14.503.641.077)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(10.213.256.410)	(13.917.613.598)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	8.100.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(5.597.482.961)	(5.383.138.817)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		23.355.344.860	32.480.017.654
II - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1 - Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(259.721.259.280)	(320.732.099.161)
2 - Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		69.135.372.285	129.063.137.847
3 - Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(123.500.000.000)	(165.800.000.000)
4 - Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		213.500.000.000	92.800.000.000
6 - Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	100.054.752
7 - Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.676.700.939	3.514.461.547
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30		(93.909.186.056)	(261.054.445.015)
III - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3 - Tiền thu từ đi vay	33		150.928.200.000	146.337.500.000
4 - Tiền trả gốc vay	34	VII	(20.905.357.144)	-
6 - Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(20.270.420.700)	(6.600.000.000)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	40		109.752.422.156	139.737.500.000
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ (50 = 20+30+40)	50		39.198.580.960	(88.836.927.361)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60		138.606.671.177	225.987.361.934
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		115.768.598	1.456.236.604
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ (70 = 50+60+61)	70		177.921.020.735	138.606.671.177

Lập ngày 10 tháng 01 năm 2026

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trần Thị Thanh Hương

TỔNG GIÁM ĐỐC

Dương Ngọc Tú

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên -TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm 2025 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B09-DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2025

I - ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1- Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần, Tổng công ty hàng hải Việt Nam sở hữu 51%; Công ty CP Container Việt Nam sở hữu 39%.

- Công ty có trụ sở chính đặt tại địa chỉ số 14 Võ Nguyên Giáp, phường An Biên, thành phố Hải Phòng.

- Tại thời điểm 31/12/2025, Công ty có các đơn vị phụ thuộc sau :

+ Các chi nhánh :

Chi nhánh Hồ Chí Minh tại 5E Nguyễn Đình Chiểu, phường Sài Gòn, Tp Hồ Chí Minh

Chi nhánh Đà Nẵng tại 26 Nguyễn Chí Thanh, thành phố Đà Nẵng

Chi nhánh Quảng ninh tại 73 Lê Thánh Tông, thành phố Hạ Long

- Công ty con: 01 công ty con được hợp nhất

Công ty TNHH Dịch vụ hàng hải Vinaship tại 280 Ngô Quyền, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Tại thời điểm 31/12/2025, Công ty có tổng số cán bộ công nhân viên là **522** người.

2- Lĩnh vực kinh doanh : vận tải đường biển

3- Ngành nghề kinh doanh :

- Kinh doanh vận tải biển;

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;

- Dịch vụ đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; dịch vụ giao nhận, nâng cẩu, kiểm đếm hàng hóa; dịch vụ khai thuê hải quan; dịch vụ môi giới thuê tàu biển; môi giới hàng hải; dịch vụ cung ứng tàu biển; dịch vụ logistics; đại lý vé máy bay, vé tàu; dịch vụ môi giới vận tải; dịch vụ vận tải đa phương thức; đại lý container; khai thác cảng, biển; dịch vụ quản lý tàu;

- Dịch vụ hợp tác lao động ;

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày : khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ ;

- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;

- Bán buôn kinh doanh phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;

- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải biển;

- Bốc xếp hàng hóa;

- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa;...

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên -TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm 2025 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

4- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong Quý IV năm 2025 có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Đội tàu hàng khô Vinaship tính đến thời điểm hiện tại gồm 5 chiếc với tổng số tấn trọng tải là 100.471 DWT, tàu nhỏ nhất có trọng tải 6.500 DWT, tàu có trọng tải lớn nhất 28.201 DWT. Độ tuổi bình quân 20 tuổi, trong đó có tàu Vinaship Pearl 29 tuổi, tàu trẻ nhất 13 tuổi là tàu Vinaship Unity mới đầu tư cuối năm 2024. Đội tàu công ty vẫn chủ yếu khai thác trên tuyến Đông Bắc và Đông Nam Á với phương thức cho thuê chuyến kết hợp định hạn và mặt hàng chủ yếu vẫn là xi măng, clinker, gạo, phân bón.

Về mặt hàng gạo, từ cuối tháng 12 thị trường Philippines tạm thời cho phép nhập khẩu trở lại nhưng hạn chế các tháng đầu năm để bảo hộ trong nước; thị trường Indonesia vẫn chưa thấy dấu hiệu nhập khẩu trở lại. Mặt hàng xi măng xuất đi Philipines trong quý 4 giá cước không có nhiều biến động nhưng nguồn hàng khan hiếm hơn trước. Ngoài ra, do tình hình mưa bão tại Việt Nam và Philippines nên thời gian xếp dỡ bị ảnh hưởng nhiều.

Từ những nguyên nhân trên làm kết quả của hoạt động vận tải biển trong quý 4 và năm 2025 chưa hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Bù lại, trong quý 4 Công ty hoàn thành kế hoạch bán thanh lý tàu cũ Vinaship Sea 27 tuổi mang lại thu nhập bán tàu 69 tỷ đồng và đầu tư thành công tàu mới 15 tuổi đóng tại Nhật Bản - Vinaship Harmony, nhận tàu vào ngày 05/11 và đang đưa vào khai thác chuyển hiệu quả.

I – KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN :

- 1- Kỳ kế toán quý IV :** bắt đầu từ ngày 01/10 và kết thúc vào ngày 31/12 của năm. Kỳ kế toán quý IV năm 2025 bắt đầu từ ngày 01/10/2025 đến 31/12/2025.
- 2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán :** Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt nam.

III – CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG :

1- Chế độ kế toán áp dụng : Theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán :

- Công ty tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt nam đã được công bố.
- Công ty thực hiện theo đúng quy định của chế độ kế toán hiện hành.

3- Hình thức kế toán áp dụng :

- Tổ chức công tác kế toán tập trung.
- Hình thức sổ kế toán áp dụng : Phần mềm kế toán.

IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG :

1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền, tương đương tiền; nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán :

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền : các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

-Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên -TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm 2025 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép là Đồng Việt nam. Đối với nghiệp vụ liên quan đến tiền, các khoản phải thu, phải trả đồng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo Tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ đảm bảo chênh lệch không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng tháng trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại.

Cuối niên độ kế toán quý, năm đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ:

- Đối với các khoản tiền gửi và tiền vay tại các ngân hàng: đánh giá theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại.
- Đối với các khoản phải thu, phải trả khác: đánh giá theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch.

2- Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho :

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho : theo giá gốc.
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho : giá bình quân gia quyền
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : kê khai thường xuyên
- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho : thực hiện theo thông tư số 48/2019/TT/BTC ngày 08/8/2019 của Bộ tài chính.

Việc quản lý hàng tồn kho theo chuẩn mực kế toán số 02.

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ :

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình , vô hình : Theo chuẩn mực kế toán 03,04 và thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực TT 89/2002/TT-BTC ngày 9/10/2002 của Bộ tài chính; thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013, thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính. Ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình theo nguyên giá. Trong Bảng cân đối kế toán được phản ánh theo 3 chi tiêu: Nguyên giá, hao mòn lũy kế, giá trị còn lại.

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính : theo Chuẩn mực số 06; Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 của Bộ Tài chính.

- Phương pháp khấu hao và thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ hữu hình và vô hình : trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng và xác định thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ thực hiện theo thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

4- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Bất động sản đầu tư :

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư : theo Chuẩn mực số 05- Bất động sản đầu tư và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 23/2005/TT-BTC -30/3/2005 của Bộ Tài Chính. Ghi nhận bất động sản đầu tư theo nguyên giá.

- Nguyên tắc và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư : trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng và xác định thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ thực hiện theo thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính :

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên -TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm 2025 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào Công ty con theo Chuẩn mực số 25, Công ty liên kết theo Chuẩn mực số 07, Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo Chuẩn mực số 08.

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn : Các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm, được ghi nhận theo giá gốc.

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn : Các khoản đầu tư có thời thu hồi vốn từ 1 năm trở lên. Ghi nhận các khoản đầu tư tài chính theo giá gốc.

- Tại ngày lập báo cáo tài chính, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá chứng khoán.

- Dự phòng giảm giá chứng khoán, hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán được thực hiện theo thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ tài chính.

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay :

- Chính sách kế toán được áp dụng cho chi phí đi vay: Thực hiện theo chuẩn mực 16 “ Chi phí đi vay” và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực TT105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 : Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá. Việc vốn hoá chi phí đi vay vào giá trị tài sản dở dang được bắt đầu khi phát sinh chi phí đi vay trong thời gian đầu tư xây dựng, sản xuất dở dang cho đến tài sản đầu tư đã hoàn thành đưa vào sử dụng.

7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác :

- Chi phí trả trước : Khi phát sinh khoản chi phí lớn, có liên quan đến nhiều kỳ hạch toán kế toán.

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước : Từng kỳ hạch toán, kế toán phân bổ chi phí trả trước cho số kỳ liên quan. Chi phí sửa chữa lớn tàu biển sau khi hoàn thành sửa chữa sẽ được phân bổ vào chi phí trong thời gian tối đa 03 năm.

8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả :

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất , kinh doanh của kỳ báo cáo.

9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả :

- Nguyên tắc ghi nhận : theo chuẩn mực số 18 “ Các khoản dự phòng và nợ tiềm tàng” : Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút về những lợi ích kinh tế ; có một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

- Phương pháp ghi nhận : được hướng dẫn tại Thông tư số 21/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 : Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Khoản dự phòng phải trả được lập vào cuối niên độ kế toán.

10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu :

- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu , thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu :

+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu : ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

+ Thặng dư vốn cổ phần : ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên -TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm 2025 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

+ Vốn khác của chủ sở hữu: ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân biếu tặng sau khi trừ đi khoản thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá : Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, thông tư 53/2016/TT-BTC.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối : chênh lệch giữa doanh thu, thu nhập trừ đi chi phí, thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm nay; các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước được hạch toán vào lợi nhuận chưa phân phối.

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu :

Doanh thu được ghi nhận theo Chuẩn mực số 14 “ Doanh thu và thu nhập khác”, Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực số 105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 của BTC.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng : Khi Công ty đã chuyển giao quyền sở hữu hàng hoá, sản phẩm và xuất hoá đơn bán hàng, được người mua chấp nhận thanh toán.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ : Khi công ty hoàn thành việc cung cấp dịch vụ cho người mua; hoàn thành hợp đồng. Đối với trường hợp hoạt động dịch vụ diễn ra trong nhiều kỳ, doanh thu sẽ được phân bổ theo tỷ lệ hoàn thành tại ngày cuối kỳ.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính :

+ Đối với lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi đầu tư trái phiếu thì thời điểm xác định doanh thu theo thời gian của hợp đồng cho vay hoặc kỳ nhận lãi.

+ Cổ tức, lợi nhuận được chia xác định khi có quyết định, nghị quyết hoặc thông báo được chia.

+ Lãi chuyển nhượng chứng khoán.

+ Lãi bán ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh xác định khi các giao dịch hoặc nghiệp vụ hoàn thành.

12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính :

Ghi nhận chi phí tài chính các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh, lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản công nợ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính cuối quý, năm.

13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại : theo Chuẩn mực số 17, Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của BTC.

14- Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái : Không có

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý IV năm 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

V - THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1- Tiền	31/12/2025	01/01/2025
- Tiền mặt	1.174.544.000	673.792.000
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	166.746.476.735	135.593.936.164
- Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	2.338.943.013
Cộng	177.921.020.735	138.606.671.177
2- Các khoản đầu tư tài chính	31/12/2025	01/01/2025
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	43.000.000.000	133.000.000.000
b1) Ngắn hạn		
- Tiền gửi có kỳ hạn	43.000.000.000	133.000.000.000
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		
- Đầu tư cổ phiếu	1.437.338	1.437.338
<i>Chi tiết đầu tư cổ phiếu tính đến 31/12/2025</i>		
Công ty CP vận tải và thuê tàu biển Việt Nam : 86 CP	1.369.070	1.369.070
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam: 2 CP	68.268	68.268
Cộng	43.001.437.338	133.001.437.338
d) Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		
Công ty CP vận tải và thuê tàu biển Việt Nam: 86 CP	(1.111.070)	(1.128.270)
Cộng	(1.111.070)	(1.128.270)
3- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	31/12/2025	01/01/2025
- Công ty CO TMVT XNK Thiên Phúc	6.579.542.381	-
- Cty TNHH Vận tải biển và DVHH Thiên Phúc	10.262.478.410	-
- Công ty TNHH TM Nhật Minh Am	8.420.757.192	
- Công ty CP Cảng Xanh Vip	2.760.379.214	1.033.353.396
- Công ty CP Cảng Nam Đình Vũ	2.891.331.018	2.009.134.476
- Các khoản phải thu của khách hàng khác	9.376.115.357	8.031.514.191
Cộng	40.290.603.572	11.074.002.063

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý IV năm 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

4- Các khoản phải thu khác	31/12/2025	01/01/2025
Ngắn hạn		
- Tạm ứng	3.320.204.077	2.237.847.707
- Ký cược, ký quỹ	17.040.400	32.000.000
- Phải thu tiền bảo hiểm về trách nhiệm dân sự và thân tàu của tàu biển	3.274.932.218	4.287.420.941
- Phải thu về sửa chữa tàu chi hộ Công ty Vinashinlines	7.342.487.574	7.342.487.574
- Bảo hiểm xã hội	342.525.738	177.127.032
- Bảo hiểm y tế	21.541.998	12.811.854
- Bảo hiểm thất nghiệp	13.590.026	8.301.616
- Thuế TNCN	29.581.317	-
- Lãi dự thu	192.915.067	1.477.265.756
- Các khoản phải thu khác	42.372.752	53.316.568
+ Phải thu khác	42.372.752	53.316.568
Cộng	14.597.191.167	15.628.579.048
Dài hạn		
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	158.098.960	-
Cộng	158.098.960	-
5- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	31/12/2025	01/01/2025
- CN Bạch Đằng - Cty TNHH MTV Duyên Hải	247.550.379	247.550.379
- Công ty Vinashinlines	7.342.487.574	7.342.487.574
- Cty CP thương mại vận tải Thiên Thành	158.378.400	158.378.400
- Cty TNHH Giao nhận vận tải Hoàng Kim Phát	1.104.934.000	1.104.934.000
- Nguyễn Văn Bình	358.500.000	358.500.000
- Cty TNHH Thương mại và sản xuất ABC	85.761.500	90.761.500
- Cty TNHH Xây dựng sản xuất thương mại Hoàng Hà	199.080.000	199.080.000
Cộng	9.496.691.853	9.501.691.853
6- Hàng tồn kho	31/12/2025	01/01/2025
- Nguyên liệu, vật liệu	36.033.338.515	38.164.830.442
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.850.245.438	1.738.248.703
- Công cụ, dụng cụ	42.380.000	26.975.000
Cộng	38.925.963.953	39.930.054.145
7- Xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2025	01/01/2025
+ Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	957.343.997
+ TSCĐ đang mua sắm	399.784.500	267.000.000
Cộng	399.784.500	1.224.343.997

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý IV năm 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

8 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình trong năm 2025

CHỈ TIÊU	NHÓM TSCĐ	NHÀ CỬA VẬT KIẾN TRÚC	PH. TIỆN VẬN TẢI TRUYỀN DẪN	MÁY MÓC THIẾT BỊ	DỤNG CỤ QUẢN LÝ	TỔNG CỘNG
I - NGUYÊN GIÁ						
1. Số dư đầu kỳ		83.343.254.061	1.116.937.998.783	5.102.897.024	6.349.002.098	1.211.733.151.966
2. Số tăng trong kỳ		448.946.968	253.891.419.727	-	-	254.340.366.695
Trong đó:						
- Do mua sắm		115.000.000	253.891.419.727			254.006.419.727
- Đầu tư XDCB hoàn thành		333.946.968				333.946.968
- Chuyển từ Bất động sản đầu tư sang						-
3. Số giảm trong kỳ		-	282.325.245.683	-	-	282.325.245.683
Trong đó:						
- Thanh lý, nhượng bán			282.325.245.683			282.325.245.683
- Khác						-
4. Số cuối kỳ		83.792.201.029	1.088.504.172.827	5.102.897.024	6.349.002.098	1.183.748.272.978
Trong đó:						
- Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng		3.489.596.756	340.721.323.850	60.431.830	216.281.662	344.487.634.098
II - GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
1. Đầu kỳ		7.666.430.501	786.126.278.626	471.796.901	995.794.510	795.260.300.538
2. Tăng trong kỳ		3.261.152.691	40.651.260.459	818.184.672	1.527.884.664	46.258.482.486
- Khấu hao		3.261.152.691	40.651.260.459	818.184.672	1.527.884.664	46.258.482.486
- Chuyển từ Bất động sản đầu tư sang						-
3. Giảm trong kỳ		-	281.463.275.686	-	-	281.463.275.686
- Thanh lý, nhượng bán			281.463.275.686			281.463.275.686
- Khác						-
4. Số cuối kỳ		10.927.583.192	545.314.263.399	1.289.981.573	2.523.679.174	560.055.507.338
III - GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
1. Đầu kỳ		75.676.823.560	330.811.720.157	4.631.100.123	5.353.207.588	416.472.851.428
2. Cuối kỳ		72.864.617.837	543.189.909.428	3.812.915.451	3.825.322.924	623.692.765.640
- Giá trị còn lại của các TSCĐ đã dùng để thế chấp, cầm cố các khoản vay			517.011.373.719			517.011.373.719

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý IV năm 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

9 - Tăng, giảm tài sản cố định vô hình trong năm 2025

CHỈ TIÊU \ NHÓM TSCĐ	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT	PHẦN MỀM MÁY VI TÍNH	TỔNG CỘNG
I - NGUYÊN GIÁ			
1. Số dư đầu kỳ	-	664.654.500	664.654.500
2. Số tăng trong kỳ	-	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-
4. Số cuối kỳ	-	664.654.500	664.654.500
II - GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
1. Đầu kỳ	-	664.654.500	664.654.500
2. Tăng trong kỳ	-	-	-
- Khấu hao			-
4. Số cuối kỳ	-	664.654.500	664.654.500
III - GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
1. Đầu kỳ	-	-	-
2. Cuối kỳ	-	-	-

10 - Tăng, giảm TSCĐ thuê tài chính năm 2025 : Không có

11 - Tăng, giảm bất động sản đầu tư năm 2025 :

CHỈ TIÊU \ NHÓM TSCĐ	NHÀ	CƠ SỞ HẠ TẦNG	TỔNG CỘNG
I - NGUYÊN GIÁ			
1. Số dư đầu kỳ	2.627.505.019	21.072.499.632	23.700.004.651
2. Số tăng trong kỳ	-	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-
- Chuyển sang CCDC theo TT45			-
4. Số cuối kỳ	2.627.505.019	21.072.499.632	23.700.004.651
II - GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
1. Số dư đầu kỳ	2.627.505.019	18.432.082.235	21.059.587.254
2. Số tăng trong kỳ	-	792.125.232	792.125.232
- Do chuyển từ TSCĐ sang			
- Do trích khấu hao	-	792.125.232	792.125.232
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-
- Chuyển sang TSCĐ			
4. Số dư cuối kỳ	2.627.505.019	19.224.207.467	21.851.712.486
III - Giá trị còn lại			
1. Số dư đầu kỳ	-	2.640.417.397	2.640.417.397
4. Số dư cuối kỳ	-	1.848.292.165	1.848.292.165

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý IV năm 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

12- Chi phí trả trước	31/12/2025			01/01/2025
a) Ngắn hạn				
- Chi phí bảo hiểm đội tàu	2.165.615.846			2.198.968.985
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	308.092.260			62.550.000
Cộng	2.473.708.106			2.261.518.985
b) Dài hạn				
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	14.368.485.973			25.668.724.065
; - Chi phí trả trước trang thiết bị đồ dùng tòa nhà	1.097.508.454			1.829.180.746
- Chi phí làm mái che chống nóng	73.260.025			50.334.228
- Chi phí mua máy bộ đàm cho bộ phận bốc xếp	137.025.000			-
- Chi phí trả trước dài hạn khác	217.216.144			174.171.428
Cộng	15.893.495.596			27.722.410.467
14- Vay và nợ thuê tài chính	31/12/2025			01/01/2025
b) Vay dài hạn	276.360.342.856			146.337.500.000
- Kỳ hạn từ 01 năm trở xuống	42.465.357.144			20.905.357.144
+ Vay Ngân hàng TMCP Hàng hải	20.905.357.144			20.905.357.144
+ Vay Ngân hàng TMCP BIDV	21.560.000.000			-
- Kỳ hạn từ 01 năm trở lên	233.894.985.712			125.432.142.856
+ Vay Ngân hàng TMCP Hàng hải	104.526.785.712			125.432.142.856
+ Vay Ngân hàng TMCP BIDV	129.368.200.000			-
Cộng	276.360.342.856			146.337.500.000
15- Phải trả người bán	31/12/2025			01/01/2025
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
PT Indofuels Ltd	10.910.343.393			8.521.857.720
Công ty CP Thương mại Minh Dũng	1.590.041.633			-
Công ty TNHH TMXD Thành Long	828.547.500			6.367.400.000
Công ty CP Xây dựng GM	-			3.512.784.658
Phải trả các đối tượng khác	9.907.481.168			8.492.324.706
Cộng	23.236.413.694			27.605.100.104
16- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	31/12/2025	Số đã nộp	Số phải nộp	01/01/2025
a) Phải nộp				
- Thuế GTGT	379.135.708	4.337.753.010	3.865.436.610	851.452.108
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	161.056.280	161.056.280	-
- Thuế nhập khẩu	-	34.168.335	34.168.335	-
- Thuế TNDN	11.035.337.362	10.213.256.410	11.208.649.032	10.039.944.740
- Thuế môn bài	-	7.000.000	7.000.000	-
- Thuế thu nhập cá nhân	60.293.002	982.018.984	926.054.005	116.257.981
- Thuế bảo vệ môi trường	-	-	-	-
- Thuế nhà đất	-	52.438.835	52.438.835	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	400.114.866	400.114.866	-
Cộng	11.474.766.072	16.187.806.720	16.654.917.963	11.007.654.829
b) Phải thu	31/12/2025	Số đã nộp	Số phải nộp	01/01/2025
- Thuế TNDN nộp thừa cho Nhà nước	-	-	21.691.493	21.691.493
- Tiền thuế đất do được bù trừ	1.162.279.944	715.337.410	1.092.975.047	1.539.917.581
Cộng	1.162.279.944	715.337.410	1.114.666.540	1.561.609.074

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý IV năm 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

	31/12/2025	01/01/2025
17- Chi phí phải trả		
a) Ngắn hạn		
- Chi phí phải trả lãi vay	322.166.758	156.360.616
- Trích trước chi phí XDCB lô đất TM8	-	231.481.481
- Chi phí bồi thường tổn thất	-	-
- Chi phí phải trả khác	4.596.481.335	4.654.834.659
Cộng	4.918.648.093	5.042.676.756
18- Phải trả khác		
Ngắn hạn		
- Công đoàn phí	144.371.172	112.610.450
- Kinh phí công đoàn	-	744.000
- Bảo hiểm y tế	-	55.640.320
- Bảo hiểm thất nghiệp	165.507.281	135.738.001
- Thuế TNCN	48.914.177	19.039.863
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	12.466.117.600	24.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	636.930.300	507.375.000
- Phải trả lương tạm giữ của thuyền viên	548.505.306	1.471.921.383
- Thu chi hộ	-	224.752.418
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	441.853.317	1.838.431.691
Cộng	14.452.199.153	4.390.253.126
Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.223.000.000	900.000.000
Cộng	1.223.000.000	900.000.000
19- Doanh thu chưa thực hiện		
Ngắn hạn		
- Doanh thu nhận trước từ hoạt động vận tải biển	4.092.036.000	-
- Doanh thu nhận trước tiền thuê văn phòng, bãi xe	1.080.961.493	777.524.935
Cộng	5.172.997.493	777.524.935
21- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả :		
	31/12/2025	01/01/2025
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	47.170.880	304.981.202

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý IV năm 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

V22- Trình bày những biến động trong nguồn vốn chủ sở hữu:**a - Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu năm 2025**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	3	4	5
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	146.220.778.825	170.441.911.253	516.662.690.078
Tăng trong năm trước				-
- Lãi năm 2024			65.721.232.745	65.721.232.745
- Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2022		133.722.357.597	(133.722.357.597)	-
- Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2023		30.467.777.604	(35.689.355.739)	(5.221.578.135)
- Phát hành tăng vốn cổ phần từ Quỹ đầu tư phát triển	139.999.600.000	(139.999.600.000)		-
Số dư cuối năm trước	339.999.600.000	170.411.314.026	66.751.430.662	577.162.344.688
Số dư đầu năm nay	339.999.600.000	170.411.314.026	66.751.430.662	577.162.344.688
- Lãi Quý I			82.925.145	82.925.145
- Lãi Quý II			243.194.670	243.194.670
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận		35.007.858.882	(35.007.858.882)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận			(10.111.168.419)	(10.111.168.419)
- Chia cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận			(20.399.976.000)	(20.399.976.000)
- Lỗ Quý III			(9.060.005.321)	(9.060.005.321)
- Lãi Quý IV			52.018.534.900	52.018.534.900
			-	
Số dư cuối ngày 31/12/2025	339.999.600.000	205.419.172.908	44.517.076.755	589.935.849.663

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý IV năm 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

	31/12/2025	01/01/2025
b - Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu:		
- Vốn góp của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam 51% VDL	173.400.000.000	173.400.000.000
- Vốn góp của Công ty CP Container Việt Nam Viconship 39% VDL	132.598.400.000	136.032.400.000
- Vốn góp của các cổ đông khác 10% VDL	34.001.200.000	30.567.200.000
Cộng	339.999.600.000	339.999.600.000
c - Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:		
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu (nguồn vốn kinh doanh)	Năm 2025	Năm 2024
+ Vốn góp đầu kỳ	339.999.600.000	200.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	139.999.600.000
- Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	-	139.999.600.000
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	339.999.600.000	339.999.600.000
d) Cổ phiếu	Năm 2025	Năm 2024
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành đầu kỳ	33.999.960	20.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	33.999.960	20.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	33.999.960	20.000.000
-Số lượng cổ phiếu phát hành trong kỳ	-	13.999.960
+ Cổ phiếu phổ thông	-	13.999.960
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành cuối kỳ	33.999.960	33.999.960
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000 VNĐ/CP	10.000 đ/CP
e) Các quỹ của doanh nghiệp	Năm 2025	Năm 2024
- Quỹ đầu tư phát triển	170.411.314.026	146.220.778.825
+ Số dư quỹ đầu năm	35.007.858.882	164.190.135.201
+ Tăng trong kỳ	-	139.999.600.000
+ Giảm trong kỳ	-	139.999.600.000
- Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	-	139.999.600.000
+ Số dư quỹ cuối kỳ	205.419.172.908	170.411.314.026
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10.820.130.528	12.344.591.210
+ Số dư quỹ đầu năm	10.111.168.419	5.229.678.135
+ Tăng trong kỳ	4.941.204.019	2.479.410.494
Do trích lập quỹ khen thưởng từ phân phối lợi nhuận	4.941.204.019	2.522.238.693
Do trích lập quỹ phúc lợi từ phân phối lợi nhuận	228.760.381	219.928.948
Do trích lập quỹ thưởng ban quản lý điều hành công ty	-	8.100.000
Do nguồn khác	5.597.482.961	6.754.138.817
+ Giảm trong kỳ	15.333.815.986	10.820.130.528
+ Số dư quỹ cuối kỳ	15.333.815.986	10.820.130.528
23- Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán	31/12/2025	01/01/2025
a) Ngoại tệ các loại	5.482.438,96	5.001.736,43
-Đồng đô la Mỹ (USD)	1.180.624.375	1.180.624.375
b) Nợ khó đòi đã xử lý	59.231.742	59.231.742
- Khách hàng Liana	484.952.633	484.952.633
- Khách hàng Sky Ocean Shipping	636.440.000	636.440.000
- Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Tân Đông Thuận		

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý IV năm 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

	Năm 2025	Năm 2024
24- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (MS 01)		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	610.098.917.813	620.600.948.687
+ Doanh thu hoạt động vận tải biển	389.254.852.179	442.525.193.398
+ Doanh thu hoạt động vận tải biển thuê tàu ngoài	134.707.481.713	106.838.482.329
+ Doanh thu cho thuê văn phòng, bất động sản đầu tư	8.694.190.516	5.557.042.413
+ Hoạt động khai thác biển và dịch vụ hàng hải	64.828.171.174	51.452.152.135
+ Doanh thu cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác	704.382.611	808.025.556
+ Doanh thu bán hàng khác	11.909.839.620	13.420.052.856
	610.098.917.813	620.600.948.687
26- Doanh thu thuần về BG và cung cấp DV (MS 10)		
	610.098.917.813	620.600.948.687
27- Giá vốn hàng bán (Mã số 11)		
- Giá vốn của hoạt động vận tải biển	375.538.173.799	436.386.575.181
- Giá vốn của hoạt động vận tải biển thuê tàu ngoài	131.518.377.678	102.604.629.347
- Giá vốn của hoạt động cho thuê văn phòng, bất động sản đầu tư	2.505.401.653	2.500.630.418
- Giá vốn của hoạt động khai thác biển và dịch vụ hàng hải	60.604.522.867	46.801.843.287
- Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ khác	801.759.188	588.423.711
- Giá vốn bán hàng khác	11.897.847.073	12.947.606.865
Cộng	582.866.082.258	601.829.708.809
28- Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.392.349.350	3.929.101.824
- Lãi bán cổ phiếu VCB	-	583.663
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	900	
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	4.736.498.545	10.156.139.199
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	257.613.909	1.487.370.687
Cộng	10.386.462.704	15.573.195.373
29- Chi phí tài chính (Mã số 22)		
- Chi phí lãi vay	10.398.974.564	781.803.082
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.978.865.070	3.346.371.437
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	(17.200)	(47.057.200)
- Chi phí tài chính khác	110.953.998	65.097.868
Cộng	12.488.776.432	4.181.484.507
30- Thu nhập khác		
-Thu nhập thanh lý TSCĐ	72.480.130.000	129.177.500.000
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	(3.344.757.715)	(39.327.880.702)
- Các khoản khác	897.996.210	74.311.090
Cộng	70.033.368.495	94.456.665.929
31- Chi phí khác		
- Tiền thuê đất tại khu đất TM8	-	347.538.500
- Các khoản bị phạt	95.161.250	8.546.779
- Các khoản khác	15.605.282	300.069.464
Cộng	110.766.532	656.154.743

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý IV năm 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

	Năm 2025	Năm 2024
32- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
a) Chi phí bán hàng	9.779.654.397	9.550.182.520
Hoa hồng phí	9.779.654.397	9.550.182.520
b) Chi phí quản lý doanh nghiệp	31.016.289.796	32.198.601.783
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.126.719.246	1.673.758.790
Chi phí nhân công	18.391.298.434	21.262.078.678
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.802.747.015	3.058.848.739
Thuế, phí, lệ phí	576.350.861	321.857.574
Chi phí trích lập dự phòng phải thu khó đòi	(5.000.000)	(5.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.682.700.327	2.546.952.636
Chi phí khác bằng tiền	2.441.473.913	3.340.105.366
Cộng	40.795.944.193	41.748.784.303
33- Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm 2025	Năm 2024
33.1- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	171.490.582.505	192.769.376.089
33.2- Chi phí nhân công	106.564.893.050	108.581.916.146
- Tiền lương	89.426.988.031	92.352.000.000
- BHXH	7.130.515.444	6.907.925.920
- Bảo hiểm y tế	955.698.685	892.509.312
- Bảo hiểm thất nghiệp	407.449.028	394.738.624
- Kinh phí công đoàn	816.469.641	789.703.760
- Tiền ăn ca, định lượng, phụ cấp độc hại	7.827.772.221	7.245.038.530
33.3- Thuế, phí và lệ phí	1.152.413.882	1.384.778.173
33.4- Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(5.000.000)	
33.5- Chi phí khấu hao tài sản cố định	47.050.607.718	67.661.749.926
33.6- Chi phí dịch vụ mua ngoài	279.626.636.161	251.847.756.827
33.7- Chi phí khác bằng tiền	6.996.042.797	10.128.557.789
Cộng	612.876.176.113	632.374.134.950
34- Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	11.230.340.525	16.393.968.295
35- Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(257.810.322)	99.476.587

VII- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2025	Năm 2024
a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ	150.928.200.000	146.337.500.000
- Tiền thu từ đi vay	150.928.200.000	146.337.500.000
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ	20.905.357.144	-
- Tiền trả nợ gốc vay	20.905.357.144	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Bảo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý IV năm 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

VIII- GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

1. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt	Năm 2025	Năm 2024
Thu nhập của các thành viên trong Ban giám đốc, HĐQT và người quản l	3.383.012.018	3.005.723.817
Ông Nguyễn Ngọc Ánh - Chủ tịch HĐQT	117.000.000	80.000.000
Ông Vương Ngọc Sơn - Phó chủ tịch HĐQT	50.100.000	67.000.000
Ông Dương Ngọc Tú - Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc	906.377.399	903.173.158
Bà Vũ Thị Phương Thảo - Thành viên HĐQT	95.000.000	41.000.000
Ông Phạm Bá Chính - Thành viên HĐQT	50.100.000	67.000.000
Ông Vũ Ngọc Lâm - Thành viên HĐQT	56.000.000	-
Ông Lê Quang Huy - Thành viên HĐQT	56.000.000	-
Ông Nguyễn Quang Duy - Phó Tổng giám đốc	5.000.000	327.616.390
Ông Lê Văn Thái - Phó Tổng giám đốc	648.359.180	727.321.572
Ông Đoàn Minh Thân - Phó Tổng giám đốc	588.464.782	70.963.783
Bà Trần Thị Thanh Hương - Kế toán trưởng	581.410.657	586.648.914
Bà Lê Thị Liên Hương - Trưởng ban kiểm soát	95.000.000	53.000.000
Bà Nguyễn Hà Thanh - Thành viên Ban kiểm soát	35.100.000	41.000.000
Ông Phan Văn Hưng - Thành viên ban kiểm soát	35.100.000	41.000.000
Bà Đặng Thanh Tâm - Thành viên ban kiểm soát	47.000.000	-
Ông Chu Thế Nga - Thành viên ban kiểm soát	17.000.000	-
2. Giao dịch với các bên liên quan		
2.1. Phải thu ngắn hạn khách hàng	31/12/2025	01/01/2025
Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao tại Hải Phòng	308.425.130	358.689.457
Công ty CP Cảng Hải Phòng	-	-
Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ	1.009.337.004	693.407.790
Công ty CP Cảng xanh VIP	2.760.379.214	1.033.353.396
Công ty TNHH MTV dịch vụ Cảng Xanh	481.717.368	506.925.972
Công ty CP đầu tư dịch vụ và phát triển xanh	-	-
Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics xanh	316.249.666	331.580.684
Cộng	4.876.108.382	2.923.957.299

Cho Quý IV năm 2025 kết thúc ngày 31/12/2025				
2.2. Phải trả người bán ngắn hạn		31/12/2025	01/01/2025	
Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam		200.000.000	-	
Công ty CP Cảng Xanh VIP		85.545.035	-	
Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao tại Hải Phòng		22.804.467	20.940.267	
Cộng		308.349.502	20.940.267	
2.3. Phải trả khác				
Phải trả cổ tức		31/12/2025	Đã trả	Phải trả 01/01/2025
Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam		-	10.404.000.000	10.404.000.000 -
Công ty CP Container Việt Nam		-	8.161.944.000	8.161.944.000 -
Công ty TNHH MTV dịch vụ Cảng Xanh		-	6.300.000	6.300.000 -
Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics xanh		-	35.820.000	35.820.000 -
Cộng		-	18.608.064.000	18.608.064.000 -
2.4. Doanh thu		31/12/2025	Năm 2024	
Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao tại Hải Phòng		1.074.760.707	1.248.616.503	
Công ty CP Cảng Hải Phòng		-	124.600.000	
Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ		6.800.942.150	1.633.465.950	
Công ty CP Cảng xanh VIP		10.199.166.700	2.540.978.600	
Công ty TNHH MTV dịch vụ Cảng Xanh		4.269.552.300	1.180.883.200	
Công ty CP đầu tư dịch vụ và phát triển xanh		-	20.000.000	
Công ty CP VSC Green Logistics		83.200.000	28.800.000	
Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics xanh		3.826.422.128	875.284.336	
Cộng		26.254.043.985	7.652.628.589	
2.6. Mua hàng hóa dịch vụ		Năm 2025	Năm 2024	
Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam		185.185.185	11.111.111	
Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao tại Hải Phòng		21.115.248	28.642.016	
Công ty CP Vận tải biển Việt Nam - Vosco		30.000.000	36.000.000	
Công ty CP Cảng Xanh Vip		79.208.366	-	
Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics xanh		-	3.900.480	
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cảng Xanh		1.562.950	-	
Cộng		317.071.749	79.653.607	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyễn Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý IV năm 2025 kết thúc ngày 31/12/2025

4) Trình bày doanh thu, chi phí, kết quả SXKD theo từng hoạt động:

Các hoạt động	Quý IV năm 2025	Năm 2025	Quý IV năm 2024	năm 2024
Vận tải biển				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	106.120.237.727	389.254.852.179	115.753.873.487	442.525.193.398
- Chi phí	112.209.220.193	411.698.574.576	136.202.631.255	473.954.070.831
- Lợi nhuận	(6.088.982.466)	(22.443.722.397)	(20.448.757.768)	(31.428.877.433)
Vận tải biển thuê tàu ngoài				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	27.942.477.880	134.707.481.713	15.781.383.591	106.838.482.329
- Chi phí	27.611.703.496	132.462.105.920	15.232.193.038	102.604.629.347
- Lợi nhuận	330.774.384	2.245.375.793	549.190.553	4.233.852.982
Hoạt động cho thuê VP & BĐS đầu tư				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	2.377.343.710	8.694.190.516	1.759.785.332	5.557.042.413
- Chi phí	649.702.938	2.602.401.653	529.284.362	2.500.630.418
- Lợi nhuận	1.727.640.772	6.091.788.863	1.230.500.970	3.056.411.995
Hoạt động khai thác cảng biển và DV hàng hải				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	16.727.486.580	64.742.571.174	14.522.858.400	51.226.508.365
- Chi phí	16.441.461.903	64.199.338.041	14.653.226.388	50.768.531.940
- Lợi nhuận	286.024.677	543.233.133	(130.367.988)	457.976.425
Hoạt động dịch vụ khác				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	181.506.019	789.982.611	256.473.310	1.033.669.326
- Chi phí	363.320.025	801.759.188	201.572.629	803.023.711
- Lợi nhuận	(181.814.006)	(11.776.577)	54.900.681	230.645.615
Hoạt động bán hàng				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	3.115.518.874	11.909.839.620	4.477.759.200	13.420.052.856
- Chi phí	3.108.783.306	11.897.847.073	4.049.955.773	12.947.606.865
- Lợi nhuận	6.735.568	11.992.547	427.803.427	472.445.991
Hoạt động tài chính				
- Doanh thu tài chính	1.076.086.849	10.386.462.704	9.897.235.620	15.573.195.373
- Chi phí tài chính	4.349.050.395	12.488.776.432	1.199.239.527	4.181.484.507
- Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	(3.272.963.546)	(2.102.313.728)	8.697.996.093	11.391.710.866
Hoạt động khác				
- Thu nhập hoạt động khác	69.877.696.067	70.033.368.495	61.087.581.521	94.456.665.929
- Chi phí hoạt động khác	(183.740.875)	110.766.532	221.960.527	656.154.743
- Lợi nhuận hoạt động khác	70.061.436.942	69.922.601.963	60.865.620.994	93.800.511.186

Người lập



Nguyễn Bảo Ngọc

Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh Hương

Tổng Giám đốc





Dương Ngọc Tú